

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025

Để triển khai, thực hiện có hiệu quả Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2035. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ đến năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung, giải pháp để đạt được các mục tiêu đến năm 2025 theo nội dung của Đề án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2035 đã đề ra:

- Xác định được loại sản phẩm và các khu vực phù hợp canh tác, sản xuất nông nghiệp hữu cơ; các đối tượng sản xuất phù hợp với từng địa bàn, khu vực cụ thể; xây dựng được quy trình chuyển hóa đất canh tác hiện có sang canh tác đáp ứng các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ ứng với các loại sản phẩm thế mạnh của địa phương; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để duy trì và mở rộng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, bước đầu hình thành các chuỗi liên kết gắn với tiêu thụ nông sản hữu cơ trên địa bàn các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt 3.310 ha với khoảng 0,5% - 1% tổng diện tích đất trồng trọt, tại các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90% - 95% đối với hình thức thâm canh (*sử dụng môi trường rừng để sản xuất*) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75% - 80%.

- Tỷ lệ số hộ nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong công tác chăm sóc và phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng có nguồn gốc sinh học đạt trên 30%; tăng tỷ lệ các dòng sản phẩm phân bón hữu cơ đưa vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt trên 15% trong tổng số sản phẩm phân bón; hướng dẫn biện pháp phòng chống sinh vật gây hại phù hợp với sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Sản phẩm hữu cơ được chứng nhận, tiêu thụ theo hệ thống và truy xuất được nguồn gốc đạt 90%/tổng sản phẩm.

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt hữu cơ cao gấp 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất phi hữu cơ.

- Mỗi huyện, thành phố Gia Nghĩa có ít nhất từ 1-2 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ các sản phẩm hữu cơ được chứng nhận.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Yêu cầu

- Phân công nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Đề án nông nghiệp hữu cơ giao cho các đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện đến năm 2025.

- Xác định các nội dung nhiệm vụ cụ thể, lồng ghép với các Chương trình, Dự án, Đề án liên quan để đảm bảo nguồn lực thực hiện đạt được các chỉ tiêu của Đề án đã đặt ra.

- Các ngành, các cấp theo chức năng, nhiệm vụ được phân công bám sát nội dung Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu và tình hình thực tiễn của địa phương.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

(Cụ thể theo Phụ lục II đính kèm)

III. GIẢI PHÁP

1. Thông tin tuyên truyền

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ.

- Tổ chức và đa dạng hóa việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực thi các chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ để tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong sử dụng, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Hỗ trợ các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ

- Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện có để hỗ trợ thực hiện điều tra, khảo sát vùng sản xuất hữu cơ, cấp chứng nhận hữu cơ.

- Nghiên cứu xây dựng, đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh về khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ;

hỗ trợ vốn, vay vốn tín dụng, chính sách tích tụ đất đai hỗ trợ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ đạt chứng nhận.

3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, hướng dẫn sản xuất theo hướng hữu cơ đối với các cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản (*trồng trọt 14 quy trình, chăn nuôi 4 quy trình, thủy sản 01 quy trình*).

- Phát triển nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ; xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2022 – 2025, và định hướng cho những năm tiếp theo.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về nông nghiệp hữu cơ

a) Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ tập trung

- Căn cứ vào lợi thế về điều kiện sinh thái, giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản phù hợp, mô hình sản xuất hữu cơ, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trên thị trường, xác định các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực; xây dựng kế hoạch chuyển đổi các vùng đang sản xuất các sản phẩm chủ lực sang sản xuất hữu cơ; trên cơ sở đó tiến hành đánh giá đất đai, nguồn nước, xây dựng chính sách hỗ trợ, định hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung, kêu gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu sản xuất hữu cơ đầu tư vào sản xuất.

- Xây dựng hệ thống phân phối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ; kết hợp với du lịch, nông nghiệp sinh thái mang đậm nét truyền thống văn hóa địa phương, qua đó tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm để hoàn thiện các quy trình kỹ thuật và tập huấn, chuyển giao.

- Tăng cường sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng, khép kín chu trình trong khu vực sản xuất, trên địa bàn tỉnh tạo tiền đề cho sự phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định.

- Xác định các vùng có tiềm năng thế mạnh về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ để khuyến khích các doanh nghiệp, các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại và người dân có nhu cầu sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đầu tư vào sản xuất.

b) Quản lý đầu vào của sản xuất hữu cơ, đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể như:

- Quản lý giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ;

- Quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào được sử dụng trong sản xuất hữu cơ: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản, chất phụ gia...;

- Quản lý nguồn nước sử dụng cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ: nước tưới cho cây trồng, nước dùng cho vật nuôi, nuôi trồng thủy sản,...;

- Quản lý các quy trình canh tác cây trồng hữu cơ, quy trình chăm sóc vật nuôi và thủy sản hữu cơ.

c) Quản lý sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

Thực hiện quản lý các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ lưu thông trên thị trường phải đảm bảo được chứng nhận và có nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc, logo sản phẩm tương ứng với tiêu chuẩn đã được chứng nhận; các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc kiểm tra giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ và chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định để đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận khi lưu thông trên thị trường; thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ tại từng công đoạn sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

5. Xây dựng và nhân rộng mô hình điểm nông nghiệp hữu cơ

- Xây dựng mô hình khuyến nông về sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; hoàn thiện các quy trình kỹ thuật, tập huấn, chuyên giao kỹ thuật cho nông dân.

- Xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ theo liên kết chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm hữu cơ và nhân rộng theo các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và dược liệu.

6. Phát triển thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

- Khuyến khích các hình thức sản xuất hữu cơ quy mô tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ đối với sản phẩm hữu cơ.

- Thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến sâu đối với sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử vào hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển thị trường đối với sản phẩm hữu cơ; hình thành các liên kết chuỗi giá trị đối với các sản phẩm hữu cơ đạt các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

7. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về nông nghiệp hữu cơ

- Tập huấn cho cán bộ, công chức, người lao động được giao nhiệm vụ làm công tác quản lý nông nghiệp các kiến thức tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ về quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ.

- Tập huấn, đào tạo cho doanh nghiệp, các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại và người dân, trang bị, cập nhật các kiến thức, năng lực, kỹ năng vận hành, ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nông dân sản xuất nông nghiệp hữu cơ chuyên nghiệp, chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất hữu cơ.

IV. NGUỒN KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025 dự kiến khoảng: 272.625.319.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước (NSNN): 6.095.671.000 đồng, chiếm 2,24 % so với tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025 (*thông qua việc hỗ trợ xây dựng các Đề án, Dự án của Trung ương, của tỉnh và lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án ODA, FDI và Chương trình, Dự án có liên quan*).

- Ngoài ngân sách nhà nước (Ngoài NSNN): 266.529.648.000 đồng, chiếm 97,76 % tổng kinh phí (*Vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật*).

(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo)

2. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, Kế hoạch áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách Nhà nước và các quy định về tài chính có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này với các chương trình Mục tiêu quốc gia, các Đề án, Chương trình của các Bộ, ngành có liên quan; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch này về UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa đề xuất, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn bảo đảm cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra của Kế hoạch này; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn các nội dung liên quan đến Kế hoạch.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa thành lập tổ vận động sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn hữu cơ; thực hiện việc điều tra xác định vùng, vẽ bản đồ các vùng định hướng phát triển nông nghiệp theo hình thức hữu cơ.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và nông dân về thực hiện nông nghiệp hữu cơ (*tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho tổ chức và người dân; nâng cao năng lực cán bộ, tuyên truyền pháp luật*).

- Phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về sản xuất nông nghiệp hữu cơ và các vấn đề liên quan. Kiểm tra, thử nghiệm chất lượng sản phẩm hữu cơ; truy xuất nguồn gốc, thu hồi, xử lý sản phẩm hữu cơ theo quy định.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các địa phương trong công tác lựa chọn địa điểm, mời doanh nghiệp tham gia liên kết cung cấp vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm tại các mô hình và của các đối tượng sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn hữu cơ; đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, xây dựng các giải pháp tăng cường kết nối với các doanh nghiệp sơ chế, chế biến, kinh doanh nông sản để thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, triển khai các nội dung thông tin, tuyên truyền, quảng bá sản phẩm nông nghiệp đạt chứng nhận hữu cơ của tỉnh.

- Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định báo cáo UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Đánh giá, xây dựng lộ trình, kế hoạch sát với thực tiễn cũng như nguồn lực về tài chính của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ đến năm 2035.

2. Sở Y tế

Thực hiện quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh dược liệu hữu cơ, mỹ phẩm hữu cơ, thực phẩm hữu cơ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các sản phẩm dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng từ nông nghiệp hữu cơ. Nghiên cứu khảo sát phát triển các sản phẩm y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ các nguyên liệu dược liệu hữu cơ.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm hữu cơ và sản phẩm hữu cơ khác thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tiếp cận các quy chuẩn, tiêu chuẩn nhập khẩu nông sản theo hướng hữu cơ, Organic,... (*phù hợp với các nông sản chủ lực, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Đắk Nông*) theo yêu cầu của các nước trên thế giới để áp dụng vào sản xuất nông nghiệp tại các vùng sản xuất hữu cơ; tổ chức xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường nhập khẩu nông sản đạt tiêu chuẩn hữu cơ của tỉnh; xác định vị trí, hỗ trợ doanh nghiệp hình thành các địa điểm giới thiệu cung cấp sản phẩm hữu cơ, vật tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, đánh giá, xác định vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ; tham mưu UBND ban hành các quy định về việc thực hiện các yêu cầu về sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, lồng ghép công tác bảo tồn với việc phát triển vùng nông nghiệp hữu cơ (*theo hướng dẫn của Trung ương*).

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tham mưu UBND tỉnh triển khai các quy định về khuyến khích tập trung đất đai phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp hữu cơ kết hợp với phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa xây dựng chiến lược nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển nông nghiệp hữu cơ; trình UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, mô hình điểm phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ: chế biến, bảo quản, giống cây trồng vật nuôi có chất lượng và tính năng vượt trội, tạo ra giá trị cao, thân thiện với môi trường và sức khỏe cộng đồng.

- Tổ chức nghiên cứu, triển khai các hoạt động khoa học công nghệ phục vụ phát triển các vùng nông nghiệp theo hướng hữu cơ kết hợp áp dụng công nghệ cao một cách hiệu quả và bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nông sản đạt tiêu chuẩn hữu cơ của tỉnh.

6. Sở Tài chính

- Phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định, theo phân cấp và khả năng ngân sách.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư công thực hiện các chương trình, dự án (*nếu có*) theo quy định Luật Đầu tư công; đồng thời, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, Ban, ngành và địa phương hướng dẫn, thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ theo quy định Luật Đầu tư.

8. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông

Chủ trì, phối hợp với Sở, Ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa rà soát, xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ cho vay ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

9. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập các hợp tác xã; khuyến khích người dân góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp trong các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để làm nguồn lực đầu tư và phát triển sản xuất.

10. Đề nghị Hội Nông dân tỉnh

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa để triển khai sát các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Chỉ đạo Hội Nông dân các cấp, các chi hội tuyên truyền, định hướng về mục tiêu, ý nghĩa của việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ; trọng tâm xác định nông dân là lực lượng chính tham gia sản xuất phát triển nông nghiệp hữu cơ.

11. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành có liên quan thống nhất trong việc lựa chọn và xác định các yếu tố hoàn thiện các mô hình thí điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh, xây dựng kế hoạch triển khai và từng bước nhân rộng mô hình; vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ; chủ động lựa chọn, ứng dụng các quy trình, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ phù hợp với điều kiện địa phương đảm bảo tăng chất lượng và lợi ích cho nông dân.

- Tạo điều kiện hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trên địa bàn quản lý, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội thi khởi nghiệp, bình chọn sản phẩm tiêu biểu.

- Quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

12. Nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức khác

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan để thực hiện Kế hoạch này; giám sát thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; vận động, tuyên truyền các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ và gắn kết chuỗi giá trị nông sản hữu cơ.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Yêu cầu các Sở, Ban, ngành, đơn vị và

UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa được giao nhiệm vụ nêu trên tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 06 tháng (*trước 20/6*), một năm (*trước 30/11*) hoặc đột xuất theo yêu cầu. Báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo đề xuất về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để kịp thời xử lý. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, TP Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTMNT(L).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

Phụ lục I: Kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Kế hoạch số 585/KH-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Huyện/TP	Loại cây	ĐVT	Giai đoạn đến năm 2025	Vùng sản xuất hữu cơ
Trồng trọt			Ha	3.310	
1	Cư Jút		Ha	210	
1.1		Cà phê	Ha	50	Tâm Thắng, Cư K'Nia
1.2		Xoài	Ha	50	Đắk Wil, Đắk D'Rông
1.3		Lúa	Ha	100	Cư K'nia, Đắk D'Rông
1.4		Dược liệu	Ha	10	Tâm Thắng, Cư K'Nia, Ea Pô
2	Krông Nô		Ha	450	
2.1		Cà phê	Ha	150	Đắk D'rò, Năm Nung, Tân Thành, Đắk Mâm
2.2		Lúa	Ha	300	Buôn Choah
3	Đắk Mil		Ha	430	
3.1		Cà phê	Ha	200	Thuận An
3.2		Sầu riêng	Ha	100	Đức Mạnh, Đức Minh, Đắk Sắk
3.3		Xoài	Ha	100	Đắk Gằn, Đắk R'la
3.4		Dược liệu	Ha	30	Thị trấn Đắk Mil
4	Đắk Song			700	
4.1		Cà phê	Ha	300	Nam Bình, Đắk Mól, Đắk Hòa
4.2		Hồ tiêu	Ha	300	Thuận Hạnh, Thuận Hà, Năm N'Jang
4.3		Bơ	Ha	50	Thuận Hạnh, Thuận Hà, Năm N'Jang, Đắk Nd'rung
4.4		Sầu riêng	Ha	50	Thuận Hạnh, Thuận Hà, Năm N'Jang, Đắk Nd'rung
5	Gia Nghĩa		Ha	300	
5.1		Cà phê	Ha	150	Đắk N'ia
5.2		Hồ tiêu	Ha	150	Đắk R'Moan
6	Đắk Glong		Ha	520	

Stt	Huyện/TP	Loại cây	ĐVT	Giai đoạn đến năm 2025	Vùng sản xuất hữu cơ
6.1		Cà phê	Ha	250	Quảng Khê, Quảng Sơn, Đắk Ha
6.2		Hồ tiêu	Ha	100	Quảng Sơn, Đắk Ha
6.3		Bơ	Ha	50	Quảng Khê
6.4		Sầu riêng	Ha	100	Quảng Khê, Quảng Sơn
6.5		Dược liệu	Ha	20	Đắk Ha, Quảng Sơn
7	Đắk R'lấp		Ha	400	
7.1		Cà phê	Ha	300	Nhân Cơ
7.2		Hồ tiêu	Ha	100	Nhân Cơ
8	Tuy Đức		Ha	300	
8.1		Cà phê	Ha	50	Quảng Tân, Đắk Buk So, Đắk R'tih, Quảng Tâm, Quảng Trục, Đắk Ngo
8.2		Mắc ca	Ha	50	Quảng Trục, Quảng Tâm, Đắk Buk So
8.3		Điều	Ha	200	Đắk Ngo
Tổng cộng			Ha	3.310	

**Phụ lục II. Phân công nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện phát triển nông nghiệp
hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 585/KH-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Kết quả dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn kinh phí dự kiến (1.000 đồng)		Giai đoạn thực hiện
					Kinh phí ngân sách nhà nước	Kinh phí tổ chức, cá nhân	
1	Hội nghị triển khai đề án	- Báo cáo nội dung triển khai đề án nông nghiệp hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	60.500		2022
2	Điều tra khảo sát, đánh giá hiện trạng sản xuất hữu cơ; xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ	- Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá hiện trạng xuất hữu cơ trên toàn tỉnh - Báo cáo kết quả lấy mẫu, phân tích các chỉ tiêu, từ đó, tạo tiền đề hỗ trợ công nhận vùng sản xuất hữu cơ. - Xây dựng bản đồ chi tiết vùng sản xuất hữu cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	2.346.000		2022-2023
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ	Xây dựng 02 mô hình Lúa hữu cơ (<i>Xây dựng 01 mô hình trồng lúa tại huyện Krông Nô vào năm 2023; 01 mô hình trồng lúa tại huyện Cư Jút vào năm 2024</i>).	UBND huyện Krông Nô, Cư Jút	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	280.000		2023-2024
		Xây dựng 02 mô hình hữu cơ (<i>Xây dựng 01 mô hình xoài tại huyện Đắk Mil vào năm 2023; 01 mô hình trồng lúa tại huyện Cư Jút vào năm 2024</i>).	UBND huyện Đắk Mil, Cư Jút	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100.000		2023-2024
		Xây dựng 01 mô hình Mắc ca hữu cơ.	UBND huyện Tuy Đức	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0		2024

TT	Nhiệm vụ	Kết quả dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn kinh phí dự kiến (1.000 đồng)		Giai đoạn thực hiện
					Kinh phí ngân sách nhà nước	Kinh phí tổ chức, cá nhân	
		Xây dựng 01 mô hình Điều hữu cơ.	UBND huyện Tuy Đức	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.000		2023
		Xây dựng 02 mô hình Dược liệu hữu cơ (Xây dựng 01 mô hình dược liệu tại huyện Đắk Glong vào năm 2023; 01 mô hình dược liệu tại huyện Cư Jút vào năm 2025).	UBND huyện Đắk Glong, Cư Jút	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	180.000		2023-2025
4	Hỗ trợ mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm hữu cơ	Hỗ trợ 6-8 mô hình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	1.200.000	5.000.000	2025
5	Kinh phí hỗ trợ cấp giấy chứng nhận Hữu cơ mô hình sản xuất hữu cơ	Cấp 8 giấy chứng nhận hữu cơ cho 8 mô hình sản xuất hữu cơ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	680.000		2023-2025
6	Xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất hữu cơ đối với một số loại cây trồng, vật nuôi và thủy sản	- Xây dựng các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, quy chuẩn hữu cơ cho các mô hình sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh. - Hình thành bộ tài liệu hướng dẫn sản xuất hữu cơ đối với một số loại cây trồng, vật nuôi và thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	114.000		2023
7	Đào tạo, tập huấn áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (Thực hiện lồng ghép với chương trình	- Tổ chức 8 lớp tập huấn cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	236.000		2023

TT	Nhiệm vụ	Kết quả dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn kinh phí dự kiến (1.000 đồng)		Giai đoạn thực hiện
					Kinh phí ngân sách nhà nước	Kinh phí tổ chức, cá nhân	
	<i>hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và chương trình, đề án, dự án khác trên địa bàn tỉnh)</i>						
8	Hỗ trợ các chủ thể sản xuất nông nghiệp hữu cơ tham gia hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu trong và ngoài nước	Hỗ trợ, xây dựng 01 cuộc hoạt động xúc tiến thương mại (<i>hội chợ, triển lãm, kết nối cung - cầu, giao thương hàng hóa...</i>).	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	50.000		2024
9	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ	Hỗ trợ xây dựng 05 thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	166.675	83.325	2023-2024
10	Thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực phát triển nông nghiệp hữu cơ	Dự án đầu tư được phê duyệt hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan		Kinh phí từ cơ chế chính sách và kinh phí của doanh nghiệp	2022-2025
11	Hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ.	- Hỗ trợ cấp mã vùng trồng đối với các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	437.798		Hàng năm
		- Hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.	Sở Khoa học và công nghệ	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan			

TT	Nhiệm vụ	Kết quả dự kiến	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn kinh phí dự kiến (1.000 đồng)		Giai đoạn thực hiện
					Kinh phí ngân sách nhà nước	Kinh phí tổ chức, cá nhân	
12	Phát triển diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ do tổ chức cá nhân đầu tư, thực hiện	Kết quả sản xuất nông nghiệp hữu cơ dự kiến đạt được đến năm 2025, cụ thể: trồng trọt đạt 3.310 ha.				261.446.323	2022-2025
13	Kiểm tra, giám sát Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ đến năm 2025	- Thực hiện công tác kèm tra giám sát việc thực hiện đề án và báo cáo kết quả tổ chức thực hiện theo định kỳ 01 lần/năm.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	129.577		Hàng năm
14	Hội nghị đầu bờ, Hội nghị sơ kết đề án nông nghiệp.	- Báo cáo kết quả 08 cuộc Hội thảo đầu bờ. - Xây dựng Hội nghị sơ kết đề án nông nghiệp hữu cơ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành và địa phương có liên quan	101.121		2023-2025
Tổng					6.095.671	266.529.648	
Tổng cộng						272.625.319	

Phụ lục III. Tổng hợp nhu cầu vốn thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từng năm, đến năm 2025

(Kèm theo Kế hoạch số **585**/KH-UBND ngày **14**/10/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Năm/giai đoạn	Tổng kinh phí	Trong đó		
			Vốn ngân sách nhà nước	Vốn tổ chức, cá nhân đối ứng	Vốn tổ chức, cá nhân tự thực hiện
1	Năm 2022	58.707.562	1.745.250	-	56.962.312
2	Năm 2023	67.706.330	1.523.918	1.759.400	64.423.012
3	Năm 2024	69.306.520	1.425.750	2.296.500	65.584.270
4	Năm 2025	76.904.907	1.400.753	2.781.700	72.722.454
Tổng		272.625.319	6.095.671	6.837.600	259.692.048
Tỷ lệ (%)		100	2,24	2,51	95,26

VON NHO